

ĐỀ CƯƠNG VI KÝ SINH

- Câu 1 :** Vật chủ vĩnh viễn là sinh vật chứa vật ký sinh dưới dạng:
- A. Gây nhiễm
B. Trưởng thành
C. A và B đúng
D. A và B sai
- Câu 2 :** Ký sinh vật nào có hình thức sinh sản phôi tử sinh:
- A. Amibe
B. Plasmodium
C. Giun lươn
D. Sán dải heo
- Câu 3 :** Cấu trúc nào được gọi là vỏ của vi khuẩn:
- A. Vách
B. Nang
C. Bào tử
D. Màng
- Câu 4 :** Tên virus gây bệnh sởi là:
- A. Measles virus
B. Dengue virus
C. Myxovirus influenza
D. Polio virus
- Câu 5 :** Khi chết, xác của vi khuẩn có khả năng gây sốt. Chất gây sốt đó được gọi là:
- A. Giải độc tố
B. Chí nhiệt tố
C. Chiết độc tố
D. Ngoại độc tố
- Câu 6 :** Thành phần nào chỉ có ở một số vi khuẩn:
- A. Vách
B. Nang
C. Màng
D. Nhân
- Câu 7 :** Ký sinh trùng nào sau đây ký sinh trong mạch bạch huyết:
- A. Giun móc
B. Giun chỉ
C. Sán lá
D. Sán dây
- Câu 8 :** Dạng bào tử có ở vi khuẩn nào sau đây:
- A. Vibrio cholerae
B. Vi khuẩn uốn ván
C. Lậu cầu
D. Bacillus
- Câu 9 :** Dạng nào sau đây của Amibe được gọi là Minuta:
- A. Bào nang không ăn hồng cầu
B. Bào nang ăn hồng cầu
C. Tiền bào nang
D. Hoạt động không ăn hồng cầu
- Câu 10 :** Tác hại chủ yếu nhất của giun đũa đối với cơ thể người là:
- A. Ly giải mô
B. Gây phản ứng miễn dịch
C. Hút máu
D. Hút chất dinh dưỡng
- Câu 11 :** Streptococci thuộc nhóm:
- A. Song cầu
B. Liên cầu
C. Tụ cầu
D. Trục khuẩn
- Câu 12 :** Gây bệnh nấm tóc gồm các chủng, NGOẠI TRỪ:
- A. Trichophyton Schoenleinii
B. Trichophyton violaceum
C. Trichophyton tonsurans
D. Trichophyton Candida
- Câu 13 :** Trục khuẩn thương hàn có tên khoa học là:
- A. Shigella
B. Vibrio cholerae
C. Salmonella
D. Clonorsis sinensis
- Câu 14 :** Dạng lây nhiễm của giun móc là:
- A. Trứng mới nở
B. Trứng lột xác
C. Ấu trùng lột xác một lần
D. Ấu trùng lột xác hai lần
- Câu 15 :** Đầu sợi nấm mọc ra 4 ụ, mỗi nhân chuyển vào một ụ là phương thức sinh sản bằng:
- A. Trứng
B. Bao
C. Đám
D. Chồi
- Câu 16 :** Polio virus thường tấn công vào:
- A. Sừng sau tủy sống
B. Dây thần kinh hướng tâm
C. Sừng trước tủy sống
D. Dây thần kinh cảm giác
- Câu 17 :** Giardia intestinalis là trùng roi ký sinh ở đường :

- A. Máu
C. Hô hấp
- Câu 18 :** Bệnh giun móc có nguồn ký sinh trùng từ:
A. Không khí
C. Người
- Câu 19 :** Staphylococcus thuộc nhóm:
A. Song cầu
C. Trục khuẩn
- Câu 20 :** Kháng nguyên hòa tan của virus viêm gan B là:
A. HbeAg
C. HbsAg
- Câu 21 :** Thời kỳ nào tương ứng với thời kỳ khởi phát trên lâm sàng:
A. Tiềm ẩn
C. Ổn định cực đại
- Câu 22 :** Ký sinh đặc hiệu hẹp:
A. Toxoplasma
C. Vi nấm
- Câu 23 :** Đây là những nguyên tắc phòng chống bệnh ký sinh trùng, câu nào sau đây SAI:
A. Phải có trọng tâm, trọng điểm, có kế hoạch
C. Phải phòng chống trên quy mô hẹp trước
- Câu 24 :** Ký sinh vật thuộc nhóm đa bào:
A. Nấm men
C. Trichomonas
- Câu 25 :** Tác hại của giun tóc đối với cơ thể người là:
A. Ly giải hồng cầu
C. Hút chất dinh dưỡng
- Câu 26 :** Ký sinh trùng nào là ngoại ký sinh:
A. Leishmania
C. Cái ghẻ
- Câu 27 :** Các trứng nang già chứa đầy thoa trùng gọi là:
A. Bào tử
C. Bào nang
- Câu 28 :** Đây là điều kiện lây lan của bệnh ký sinh vật, câu nào sau đây SAI:
A. Phải có vật chủ đầy đủ và thích hợp
C. Không có ổ dịch thiên nhiên
- Câu 29 :** Nấm gây bệnh lác, lang ben:
A. Epidermophyton
C. Candida
- Câu 30 :** Tên vi khuẩn gây bệnh bại liệt là:
A. Polio virus
C. Dengue virus
- Câu 31 :** Khi gặp điều kiện không thuận lợi, một số vi khuẩn biến dạng thành:
A. Nha bào
C. Khuẩn lạc
- Câu 32 :** Đây là những biện pháp cắt đứt chu kỳ của ký sinh vật, câu nào sau đây SAI:
A. Cô lập nguồn ký sinh
C. Tiêu diệt vật chủ vĩnh viễn
- Câu 33 :** Bacillus thuộc nhóm:
A. Xoắn khuẩn
C. Phẩy khuẩn
- B. Sinh dục
D. Tiêu hóa
- B. Thú
D. Đất
- B. Tụ cầu
D. Phẩy khuẩn
- B. Anti – Hbs
D. HbcAg
- B. Tăng trưởng lũy thừa
D. Suy thoái
- B. Plasmodium
D. Giun xoắn
- B. Thời gian tiến hành lâu dài
D. Phải dựa vào dân
- B. Giun
D. Amip
- B. Gây phản ứng miễn dịch
D. Hiện tượng mao dẫn
- B. Sán máng
D. Toxoplasma
- B. Kén
D. Bào tử nang
- B. Điều kiện tự nhiên thuận lợi
D. Điều kiện sống, tập quán sinh hoạt, phương thức canh tác của con người
- B. Trichophyton
D. Microsporium
- B. Myxovirus influenza
D. Measles virus
- B. Trứng nang
D. Ấu trùng
- B. Diệt các vật truyền
D. Tiêm ngừa và điều trị hàng loạt
- B. Trục khuẩn
D. Cầu khuẩn

- Câu 34 :** Vi khuẩn thuộc nhóm cầu khuẩn Gram (+):
- A. Staphylococcus
B. Clostridium tetani
C. Salmonella typhi
D. Vibrio cholerae
- Câu 35 :** Ký sinh trùng nào sinh sản đa phôi:
- A. Giun lươn
B. Sán heo
C. Sán lá
D. Sán bò
- Câu 36 :** Kháng nguyên O của vi khuẩn chứa trong cấu trúc nào:
- A. lông
B. Vách
C. Màng
D. Nhung mao
- Câu 37 :** Sinh vật nào là đơn ký sinh:
- A. Giun xoắn
B. Toxoplasma
C. Plasmodium
D. Vi nấm
- Câu 38 :** Ký sinh trùng bao gồm những sinh vật:
- A. Đơn bào
B. Đa bào
C. A và B đúng
D. A và B sai
- Câu 39 :** Hình dạng vi khuẩn nào sau đây thuộc nhóm xoắn khuẩn:
- A. Leptospira
B. Campylobacter
C. Vibrio cholerae
D. Klebsiella
- Câu 40 :** Muỗi truyền bệnh sốt rét là vật chủ trung gian:
- A. Tích cực
B. Thụ động
C. A và B đúng
D. A và B sai
- Câu 41 :** Vi khuẩn nào là vi khuẩn yếm khí:
- A. Salmonella
B. Trực khuẩn uốn ván
C. Phế cầu
D. Tụ cầu
- Câu 42 :** Nhân của vi khuẩn:
- A. Một sợi ARN duy nhất
B. Vai trò chủ đạo trong di truyền
C. Có màng nhân
D. Có bộ Golgi
- Câu 43 :** Virus có capsid hình khối:
- A. Virus bại liệt
B. Virus dại
C. Virus sởi
D. Virus cúm
- Câu 44 :** Tên khoa học của virus gây hội chứng suy giảm miễn dịch:
- A. Poliovirus
B. Human immunodeficiency virus
C. Hepatitis B virus
D. Myxovirus influenza
- Câu 45 :** Nấm gây bệnh ở da, tóc, lông móng, NGOẠI TRỪ:
- A. Epidermophyton
B. Trichophyton
C. Microsporium
D. Candida
- Câu 46 :** Vi khuẩn nào là vi khuẩn hiếu khí:
- A. Liên cầu
B. Phế cầu
C. Tụ cầu
D. Vi khuẩn hoại thư sinh hơi
- Câu 47 :** Chức năng chính của vi khuẩn giúp giữ vững hình dạng nhờ cấu trúc:
- A. Vách
B. Nhân
C. Màng
D. Nhung mao
- Câu 48 :** Đặc điểm cấu tạo của trùng lông:
- A. Nguyên sinh chất không có không bào
B. Có 4 roi hướng ra sau
C. Bào tương chứa nhiều hạt
D. Có nhiều lông bao phủ
- Câu 49 :** Ký sinh trùng nào sinh sản vô tính:
- A. Giun lươn
B. Sán bò
C. Amib
D. Giun đũa
- Câu 50 :** Vi khuẩn thuộc nhóm trực khuẩn Gram (+):
- A. Clostridium tetani
B. Vibrio cholerae
C. Salmonella
D. Staphylococcus

- Câu 51 :** Dạng lây nhiễm chủ yếu của giun móc là:
- A. Trứng mới nở
B. Trứng lột xác 2 lần
C. Ấu trùng mới nở
D. Ấu trùng lột xác 2 lần
- Câu 52 :** Giun kim có tên là :
- A. Trichomonas vaginalis
B. Necator americanus
C. Ascaris lumbricoides
D. Enterobius vermicularis
- Câu 53 :** Biểu chứng chính của bệnh thương hàn là:
- A. Xuất huyết da
B. Xuất huyết, thủng ruột
C. Xuất huyết dạ dày
D. Tiêu phân đàm máu
- Câu 54 :** Tên khoa học của trực khuẩn lao:
- A. Vibrio cholerae
B. Mycobacterium tuberculosis
C. Clostridium
D. Staphylococcus
- Câu 55 :** Sự sinh sản của virus bằng cách:
- A. Nhân lên trong tế bào
B. Song phân
C. Dập khuôn
D. Tổng hợp axit amin
- Câu 56 :** Giai đoạn thứ ba trong chu kỳ tăng trưởng của virus là:
- A. Dập khuôn
B. Tổng hợp
C. Hấp phụ
D. Cởi áo
- Câu 57 :** Xét nghiệm thông dụng nhất chẩn đoán nhiễm HIV là:
- A. Test ELISA
B. Western blot (điện di miễn dịch)
C. Lấy máu soi tươi
D. Số lượng LT4
- Câu 58 :** Hai xét nghiệm thường làm ở người bệnh sốt xuất huyết:
- A. Hct và số lượng tiểu cầu
B. Công thức máu và Hct
C. Số lượng tiểu cầu và ELISA
D. ELISA và công thức máu
- Câu 59 :** Nhóm vi khuẩn Shigella gây ra bệnh cảnh nặng nhất:
- A. Nhóm B
B. Nhóm C
C. Nhóm A
D. Nhóm D
- Câu 60 :** Vi sinh vật có thể tồn tại:
- A. Trong môi trường xung quanh
B. Trong cơ thể sinh vật khác
C. A và B đúng
D. A và B sai
- Câu 61 :** Đặc điểm nào không phải là đặc điểm chung của bệnh do ký sinh vật gây nên:
- A. Diễn tiến âm thầm
B. Kéo dài
C. Ngắn hạn
D. Mang tính xã hội
- Câu 62 :** Dựa vào khả năng cảm thụ của vật chủ, virus được xếp thành:
- A. 5 nhóm
B. 4 nhóm
C. 2 nhóm
D. 3 nhóm
- Câu 63 :** Độc tố nào của vi khuẩn có độc lực thường rất mạnh:
- A. Nội độc tố
B. Ngoại độc tố
C. A và B đúng
D. A và B sai
- Câu 64 :** Virus nào có hình xoắn ốc:
- A. Enterovirus
B. Virus cúm
C. HIV
D. Phage-virus
- Câu 65 :** Virus nào có hình khối:
- A. Rotavirus
B. Myxovirus
C. Rabdovirus
D. Virus cúm
- Câu 66 :** Sinh vật nào sau đây thuộc nhóm ngoại ký sinh:
- A. Sán máng
B. Ấu trùng giun xoắn
C. Cái ghê
D. Giun đũa
- Câu 67 :** Vi khuẩn phát triển qua 4 giai đoạn:
- A. Tiềm ẩn - ổn định cực đại - tăng trưởng lũy
B. Tiềm ẩn - tăng trưởng lũy

thừa - suy thoái

thừa - ổn định cực đại - suy thoái

C. Tăng trưởng lũy thừa - tiềm ẩn - ổn định cực đại - suy thoái

D. Tăng trưởng lũy thừa - ổn định cực đại - tiềm ẩn - suy thoái

Câu 68 : Mục đích của phương pháp nhuộm Gram là để phân biệt:

A. Vi khuẩn

B. Độc tố

C. Kháng độc tố

D. Kháng thể

Câu 69 : Nhóm Gram (-) bắt màu:

A. Đỏ

B. Xám

C. Xanh

D. Tím

Câu 70 : Rickettsia có kích thước:

A. 0.5 - 2 nanomet

B. 0.5 - 2 micromet

C. 0.5 - 2 milimet

D. Tất cả đều sai

Câu 71 : Thời kỳ nào vi khuẩn hoạt động mạnh nhất:

A. Tiềm ẩn

B. Ổn định cực đại

C. Tăng trưởng lũy thừa

D. Suy thoái

Câu 72 : Chức năng chính giúp vi khuẩn bám vào vật chủ nhờ cấu trúc:

A. Nhung mao

B. Nhân

C. Màng

D. Vách

Câu 73 : Leishmania ký sinh trong:

A. Mạch máu

B. Da

C. Tế bào

D. Mạch bạch huyết

Câu 74 : Bệnh phẩm thường dùng để chẩn đoán virus bại liệt:

A. Phân

B. Đàm nhớt

C. Nước tiểu

D. Máu

Câu 75 : Nguyên nhân gây bệnh nấm kẽ:

A. Candida

B. Trichophyton

C. Microsporum

D. Epidermophyton

Câu 76 : Đường xâm nhập của trực khuẩn uốn ván:

A. Hô hấp

B. Vết thương

C. Tiêu hóa

D. Đường máu

Câu 77 : Giun kim cái đẻ trứng ở:

A. Hỗng tràng

B. Hồi tràng

C. Kết tràng

D. Hậu môn

Câu 78 : Vi nấm cơ hội thường lợi dụng những biến đổi cơ thể NGOẠI TRỪ:

A. Một số phương pháp trị liệu sinh ra

B. Dùng corticoid

C. Dùng kháng sinh

D. Dùng thực phẩm dinh dưỡng cho cơ thể

Câu 79 : Trứng hình bầu dục, bị lép ở một góc, vỏ mỏng, bên trong có khối nhân mịn:

A. Trứng giun tóc

B. Trứng giun móc

C. Trứng giun đũa

D. Trứng giun kim

Câu 80 : Ký sinh trùng nào sinh sản lưỡng giới:

A. Giun lươn

B. Amib

C. Sán heo

D. Sán lá

Câu 81 : Ký sinh vật là những sinh vật:

A. Không thể sống độc lập được

B. Nhỏ hơn vi khuẩn

C. Có ít nhất một giai đoạn sống nhờ

D. Không thấy được bằng mắt thường

Câu 82 : Xét nghiệm đặc trưng tìm vi khuẩn Mycobacterium tuberculosis là:

A. Thử nghiệm Widal

B. Phết nhuộm Ziehl Neesen

C. Soi kính hiển vi nền đen

D. Kỹ thuật Willis

Câu 83 : Trong chu kỳ sinh trưởng của virus, giai đoạn tiếp theo sau khi xâm nhập là:

- A. Cởi áo
B. Giải phóng
C. Hấp phụ
D. Dập khuôn
- Câu 84 :** Chức năng chính giúp vi khuẩn thẩm thấu chọn lọc, hô hấp nhờ cấu trúc:
A. Màng
B. Nhân
C. Vách
D. Nhung mao
- Câu 85 :** Đây là những phản ứng sử dụng trong chẩn đoán siêu vi sởi, NGOẠI TRỪ:
A. Miễn dịch đối lưu
B. Kết hợp bổ thể
C. Trung hòa
D. Miễn dịch huỳnh quang
- Câu 86 :** Bệnh phẩm thường lấy làm xét nghiệm tìm HIV:
A. Máu
B. Đàm
C. Chất tiết ở họng
D. Tinh trùng
- Câu 87 :** Virus có capsid hình xoắn ốc:
A. Virus cúm
B. Virus đậu mùa
C. Virus dại
D. Virus HIV
- Câu 88 :** Phương pháp chẩn đoán giun đũa:
A. Tìm giun trưởng thành trong ruột
B. Tìm giun trưởng thành trong máu
C. Tìm trứng trong máu
D. Tìm trứng trong phân
- Câu 89 :** Vi trùng nào không có lông quanh thân:
A. Ly
B. Lao
C. Uôn ván
D. Tả
- Câu 90 :** Có thể chẩn đoán Virus bại liệt bằng các phản ứng huyết thanh, NGOẠI TRỪ:
A. Phản ứng gắn bổ thể
B. Phản ứng Widal
C. Phản ứng trung hòa
D. Phản ứng màu
- Câu 91 :** Amibe là nguyên sinh động vật thuộc lớp:
A. Trùng roi
B. Trùng bào tử
C. Trùng lông
D. Trùng chân giả
- Câu 92 :** Bệnh tả lây qua đường:
A. Máu
B. Tiêu hóa
C. Hô hấp
D. Tiết niệu
- Câu 93 :** Đặc điểm cấu tạo của Giardia intestinalis, NGOẠI TRỪ:
A. Có 8 roi
B. Hình quả lê
C. Hai nhân hình bầu dục
D. Tế bào chất chứa nhiều không bào
- Câu 94 :** Trichomonas vaginalis thường ký sinh:
A. Hô hấp
B. Tiêu hóa
C. Máu
D. Sinh dục
- Câu 95 :** Đặc điểm cấu tạo của trứng giun đũa:
A. Trứng sinh ra đã có phôi
B. Vỏ rất mỏng
C. Trứng là dạng di chuyển trong máu
D. Vỏ sần sùi
- Câu 96 :** Trùng roi có hình hạt chanh, có 3-5 roi bám vào cơ thể tạo thành mang vây:
A. Giardia vaginalis
B. Giardia intestinalis
C. Trichomonas vaginalis
D. Trichomonas intestinalis
- Câu 97 :** Chức năng chính của vi khuẩn qui định độc lực nhờ cấu trúc:
A. Nhân
B. Màng
C. Vách
D. Nhung mao
- Câu 98 :** Bệnh thương hàn lây nhiễm qua đường:
A. Máu
B. Tiêu hóa
C. Tiết niệu
D. Hô hấp
- Câu 99 :** Ký sinh trùng sốt rét là nguyên sinh động vật thuộc lớp:
A. Trùng chân giả
B. Trùng roi
C. Trùng lông
D. Trùng bào tử
- Câu 100 :** Đặc điểm cấu tạo và sinh lý của Streptococcus:

- A. Khả năng sinh bào tử khá mạnh
B. Nhóm A không có pili
C. Streptococcus O làm tan hồng cầu
D. Phần lớn các dòng thuộc nhóm D
- Câu 101 :** Đây là những câu phát biểu về Rickettsia, câu nào sau đây SAI:
A. Có cấu tạo và sinh sản gần giống với vi khuẩn
B. Gây một số bệnh phát ban cho người
C. Thường có hình cầu, hình thoi hoặc hình que ngắn
D. Là một dạng chuyển tiếp giữa virus và vi khuẩn
- Câu 102 :** Chẩn đoán sán lá gan có thể dùng các phương pháp, NGOẠI TRỪ:
A. Dịch tá tràng
B. Xét nghiệm phân
C. Bảng kháng nguyên
D. Tia cực tím
- Câu 103 :** Vi sinh vật là những sinh vật thuộc giới:
A. Động vật
B. Thực vật
C. A và B đúng
D. A và B sai
- Câu 104 :** Đặc điểm của trứng sán lá gan, NGOẠI TRỪ:
A. Có hình bầu dục, một cực tròn
B. Một cực có nắp
C. Vỡ mảnh, nhẵn, có đường viền kép
D. Bên trong không có ấu trùng có lông
- Câu 105 :** Sinh vật nào là ký sinh liên tục:
A. Giun lươn
B. Giun móc
C. Giun xoắn
D. Tất cả đều sai
- Câu 106 :** Ký sinh trùng nào có tác hại chủ yếu là làm vỡ hồng cầu:
A. Sán máng
B. Giun đũa
C. Plasmodium
D. Amib
- Câu 107 :** Nội độc tố của trực khuẩn Thương hàn :
A. Shigatoxin
B. Polypeptide
C. Lipopolysaccharide
D. Yếu tố sinh thừng
- Câu 108 :** Sinh vật nào ký sinh trong mạch bạch huyết:
A. Giun kim
B. Giun đũa
C. Giun chỉ
D. Giun móc
- Câu 109 :** Chất độc nằm ở thân vi khuẩn, chỉ giải phóng sau khi vi khuẩn chết gọi là:
A. Nội độc tố
B. Ngoại độc tố
C. Chí nhiệt tố
D. Nhiễm sắc tố
- Câu 110 :** Sự tăng trưởng của vi khuẩn ký sinh bắt buộc trong tế bào:
A. Sống
B. Biệt hóa
C. Chết
D. Trưởng thành
- Câu 111 :** Virus nào có cấu trúc 2 kiểu:
A. Poliovirus
B. Phage-virus
C. Rabdovirus
D. Smallpoxvirus
- Câu 112 :** Tác hại của vi sinh vật đối với cơ thể người:
A. Nhiễm trùng
B. Nhiễm độc
C. A và B đúng
D. A và B sai
- Câu 113 :** Sinh vật nào thuộc nhóm ký sinh trùng đơn bào:
A. Sán
B. Nấm men
C. Trùng roi
D. Giun
- Câu 114 :** Câu nào sau đây SAI:
A. Vi sinh vật gồm 2 nhóm gồm virus và vi khuẩn
B. Một số vi sinh vật gây bệnh cho người
C. Một số vi sinh vật có lợi cho người và động vật
D. Một số vi sinh vật gây bệnh cho loài này nhưng không gây bệnh cho loài khác
- Câu 115 :** Thử nghiệm Widal để chuẩn đoán thương hàn nên lấy bệnh phẩm tốt nhất vào thời điểm:

- A. Tuần thứ 4 của bệnh
B. Tuần thứ 2 của bệnh
C. Tuần thứ 3 của bệnh
D. Tuần thứ 1 của bệnh
- Câu 116 :** Bệnh do ký sinh vật mang tính xã hội do:
A. Ký sinh vật sinh sản chậm
B. Lây nhiễm cao
C. A và B đúng
D. A và B sai
- Câu 117 :** Đặc điểm của trực khuẩn lao:
A. Thân thường rất thẳng
B. Khả năng sinh bào tử hơi yếu
C. Không di động
D. Hình sợi hoặc que dài
- Câu 118 :** Nguyên nhân gây bệnh đẹn:
A. Microsporium
B. Epidermophyton
C. Trichophyton
D. Candida
- Câu 119 :** Trứng có hình bầu dục, hai cực có hai nút trong, vỏ dày, có hai lớp:
A. Trứng giun móc
B. Trứng giun đũa
C. Trứng giun kim
D. Trứng giun tóc
- Câu 120 :** Thành phần nào giúp phân biệt hai nhóm vi khuẩn theo phương pháp nhuộm Gram:
A. Nhân
B. Vách
C. Nang
D. Bào tử
- Câu 121 :** Balantidium Coli là nguyên sinh động vật thuộc lớp:
A. Trùng roi
B. Trùng chân giả
C. Trùng bào tử
D. Trùng lông
- Câu 122 :** Tên khoa học của siêu vi cúm:
A. Myxovirus influenza
B. Poliovirus
C. Measles virus
D. Dengue
- Câu 123 :** Phương pháp thường dùng để chẩn đoán thương hàn là:
A. Kỹ thuật ngưng tụ hồng cầu
B. Nhộm Ziehl Neesen
C. Widal
D. Cây vào môi trường lorenstein
- Câu 124 :** Vi khuẩn nào không thuộc nhóm xoắn khuẩn:
A. Treponema
B. Klebsiella
C. Leptospira
D. Borrelia
- Câu 125 :** Ký sinh vật là những sinh vật thuộc giới:
A. Động vật
B. Thực vật
C. A và B đúng
D. A và B sai
- Câu 126 :** Lấy máu để chẩn đoán bệnh thương hàn vào thời điểm:
A. Tuần thứ hai
B. Tuần thứ tư
C. Tuần thứ nhất
D. Tuần thứ ba
- Câu 127 :** Đặc điểm hình thái của siêu vi viêm gan B, NGOẠI TRỪ:
A. Thành phần hình xoắn
B. Thành phần hình tròn
C. Phần tử Dance
D. Thành phần ống và sợi
- Câu 128 :** Trong điều kiện thuận lợi, thời gian bao lâu thì vi khuẩn sinh sản một lần:
A. 10 - 20 phút
B. 20 - 30 phút
C. 30 - 40 phút
D. 1 - 2 giờ
- Câu 129 :** Vi sinh vật là những sinh vật:
A. Đơn bào
B. Đa bào
C. A và B đúng
D. A và B sai
- Câu 130 :** Vi khuẩn nào có thể di động:
A. Shigella
B. Salmonella
C. Tụ cầu
D. Liên cầu
- Câu 131 :** Sốt rét có nguồn ký sinh trùng từ:
A. Không khí
B. Thú
C. Đất
D. Người
- Câu 132 :** Bệnh phẩm chẩn đoán Trichomonas vaginalis là :
A. Máu ngoại vi
B. Phân tươi

- C. Nước tiểu
D. Chất nhầy âm đạo
- Câu 133 :** Virus là vi sinh vật:
A. Không bị tiêu diệt bởi nhiệt độ cao, tia cực tím, hóa chất
B. Tồn tại được trong tự nhiên
C. Đã có cấu trúc tế bào hoàn chỉnh
D. Không bị tiêu diệt bởi kháng sinh
- Câu 134 :** Yếu tố nào sau đây không phải là yếu tố để phân loại virus:
A. Có hay không có pili
B. Có hay không có màng bọc
C. Nhân chứa ADN hay ARN
D. Cấu trúc của capsid
- Câu 135 :** Sinh vật nào là ký sinh không bắt buộc:
A. Sán dải
B. Giun lươn
C. Vi nấm
D. Giun móc
- Câu 136 :** Kháng nguyên H của vi khuẩn chứa trong cấu trúc nào:
A. Nhung mao
B. Lông
C. Bào tương
D. Vách
- Câu 137 :** Bào tương của vi khuẩn KHÔNG CÓ:
A. Ribosomes
B. Ty lạp thể
C. ARN
D. Enzym
- Câu 138 :** Trong chu kỳ tăng trưởng của virus, giai đoạn tiếp theo sau khi xâm nhập là:
A. Cởi áo
B. Hấp phụ
C. Dập khuôn
D. Giải phóng
- Câu 139 :** Trichuris trichiura là tên khoa học của :
A. Sán lá gan
B. Giun đũa
C. Giun móc
D. Giun tóc
- Câu 140 :** Bệnh cúm lây qua đường:
A. Sinh dục
B. Tiết niệu
C. Hô hấp
D. Máu
- Câu 141 :** Candida thuộc nhóm:
A. Côn trùng
B. Nguyên sinh động vật
C. Giun
D. Nấm
- Câu 142 :** Tên vi khuẩn gây bệnh nhiễm trùng máu, thấp khớp cấp là:
A. Staphylococcus
B. Streptococcus
C. Shigella
D. Virio cholerae
- Câu 143 :** Đặc điểm cấu tạo của Trichomonas vaginalis:
A. Nhân chứa nhiều không bào
B. Có dạng bào nang
C. Có 4 roi hướng ra sau
D. Bào tương chứa nhiều hạt
- Câu 144 :** Bệnh viêm gan siêu vi B lây qua đường:
A. Máu
B. Chất thải
C. Da
D. Hô hấp
- Câu 145 :** Dạng bào nang của Amibe, NGOẠI TRỪ:
A. Có hai nhân
B. Có một nhân
C. Có từ 1-4 nhân
D. Có 8 nhân
- Câu 146 :** Thử nghiệm Widal tìm kháng thể O, H thương hàn vào:
A. Tuần thứ ba
B. Tuần thứ nhất
C. Tuần thứ hai
D. Tuần thứ tư
- Câu 147 :** Tác hại chủ yếu nhất của giun móc đối với cơ thể người:
A. Gây sang thương và nhiễm khuẩn
B. Gây nhiễm độc
C. Kích thích phản xạ co thắt ruột
D. Hút máu
- Câu 148 :** Phương pháp chẩn đoán nhanh vi khuẩn tả là:
A. Kỹ thuật Willis
B. Soi kính hiển vi nền đen
C. Thử nghiệm Widal
D. Phết nhuộm Ziehl Neesen
- Câu 149 :** SAT là kháng huyết thanh thường chọn tiêm cho bệnh:
A. Dại
B. Bại liệt

- C. Uốn ván
- Câu 150 :** Tác hại đặc trưng nhất của giun móc là:
- A. Hút chất dinh dưỡng
C. Ngứa, nổi mề đay
- Câu 151 :** Ký sinh vật thuộc nhóm thực vật:
- A. Balantidium coli
C. Nấm da
- Câu 152 :** Hình dạng thường gặp của Rickettsia:
- A. Hình cầu
C. Hình dấu phẩy
- Câu 153 :** Độc tố nào của nhóm tụ cầu có tác dụng chính là ly giải hồng cầu, gây hoại tử:
- A. Enterotoxin
C. α - Toxin
- Câu 154 :** Bệnh phẩm thường dùng để làm xét nghiệm ký sinh trùng sốt rét là:
- A. Phân tươi
C. Muỗi Anopheles cái
- Câu 155 :** Vibrio cholerae thuộc nhóm:
- A. Phẩy khuẩn
C. Trục khuẩn
- Câu 156 :** Đặc điểm của vi khuẩn:
- A. Bao giờ cũng có vách và nhân
C. Chỉ sống bám trên thực vật
- Câu 157 :** Pneumococci thuộc nhóm:
- A. Song cầu
C. Xoắn khuẩn
- Câu 158 :** Phân loại virus dựa KHÔNG vào các yếu tố:
- A. Nhân chức acid amin
C. Có màng bọc
- Câu 159 :** Bệnh phẩm chuẩn đoán siêu vi sởi nên lấy tốt nhất vào thời điểm:
- A. Ngày thứ nhất của bệnh
C. Ngày thứ hai của bệnh
- Câu 160 :** Bệnh cúm lây qua đường:
- A. Máu
C. Tiết niệu
- Câu 161 :** HIV tấn công chủ yếu vào:
- A. Tế bào LT4
C. Bạch cầu
- Câu 162 :** Độc tố của tụ cầu có khả năng giết bạch cầu và thực bào là:
- A. Streptolysine
C. Leukocidine
- Câu 163 :** Sán máng là ký sinh trùng thuộc nhóm:
- A. Ngoại ký sinh
C. A và B đúng
- Câu 164 :** Bệnh phẩm thường dùng để chẩn đoán phẩy khuẩn tả:
- A. Máu
C. Phân
- Câu 165 :** Nha bào là tên gọi khác của:
- A. Nang
C. Vách
- Câu 166 :** Trong chu kỳ tăng trưởng của virus, giai đoạn tiếp theo sau khi xâm nhập là:
- A. Dập khuôn
- D. Sởi
B. Rối loạn thần kinh
D. Thiếu máu
B. Plasmodium
D. Sán
B. Hình que dài
D. Hình xoắn
B. β - Toxin
D. Exfoliative toxin
B. Nước tiểu buổi sáng
D. Máu ngoại vi
B. Xoắn khuẩn
D. Liên cầu khuẩn
B. Thường không gây hại cho người, vật
D. Cấu tạo tế bào rất hoàn chỉnh
B. Phế cầu
D. Phẩy khuẩn
B. Capsid hình xoắn ốc, khối, hai kiểu
D. Số lượng capsomere
B. Ngày thứ ba của bệnh
D. Ngày thứ tư của bệnh
B. Hô hấp
D. Sinh dục
B. Hạch bạch huyết
D. Tiểu cầu
B. Erythrogenic
D. Lipopolysaccharide
B. Nội ký sinh
D. A và B sai
B. Đàm nhớt
D. Nước tiểu
B. Bào tử
D. Pili
B. Cởi áo

- C. Giải phóng
D. Tổng hợp
- Câu 167 :** Cái ghê là ký sinh trùng ký sinh:
A. Trong mô
B. Trên da
C. Trong da
D. Trong tế bào
- Câu 168 :** Ký sinh vật lấy thức ăn ở nhiều loại vật chủ được gọi là:
A. Đơn ký
B. Đơn thực
C. Đa thực
D. Đa ký
- Câu 169 :** Cơ quan nào của ký sinh vật thường phát triển nhất:
A. Hô hấp
B. Thần kinh
C. Tiêu hóa
D. Tuần hoàn
- Câu 170 :** HIV dễ bị bất hoạt bởi, NGOẠI TRỪ :
A. Cồn
B. Tia cực tím
C. Ethanol
D. Nhiệt độ
- Câu 171 :** Đây là những nguyên tắc phòng chống bệnh ký sinh vật. Câu nào sau đây SAI:
A. Cần chọn bệnh phổ biến
B. Bệnh gây nhiều tác hại nhất
C. Cần chọn khâu mạnh nhất trong chu kỳ
D. Có đủ điều kiện thực thi
- Câu 172 :** Streptococci thuộc nhóm:
A. Liên cầu
B. Trục khuẩn
C. Phế cầu
D. Tụ cầu
- Câu 173 :** Nấm men gây ra gàu:
A. Cryptococcus
B. Sporothrix
C. Histoplasma
D. Pityrosporum
- Câu 174 :** Virus có đặc điểm:
A. Có cấu trúc tế bào chưa hoàn chỉnh
B. Sinh sản nhanh
C. Có thể tồn tại độc lập trong tự nhiên
D. Không bị tiêu diệt bởi nhiệt độ
- Câu 175 :** Chu trình tiền hồng cầu của ký sinh trùng sốt rét diễn ra ở:
A. Tuyến nước bọt của muỗi
B. Dạ dày của muỗi
C. Mạch bạch huyết ở người
D. Tế bào gan
- Câu 176 :** Giun đũa sống trong người là mối quan hệ:
A. Sống tự do
B. Hoại sinh
C. Cộng sinh
D. Ký sinh
- Câu 177 :** Phương pháp xét nghiệm trên thực tế thường dùng để chẩn đoán giun kim:
A. Tìm trứng trong phân
B. Tìm trứng trong máu
C. Soi tươi phân tìm ấu trùng
D. Dán băng keo trong ở hậu môn
- Câu 178 :** Trứng giun có hình bầu dục, vỏ dày xù xì, bên trong có khối nhân gọn:
A. Trứng giun tóc
B. Trứng giun móc
C. Trứng giun kim
D. Trứng giun đũa
- Câu 179 :** Ấu trùng giun xoắn thuộc nhóm:
A. Ngoại ký sinh
B. Nội ký sinh
C. A và B đúng
D. A và B sai
- Câu 180 :** Đặc điểm về hình dạng và hoạt động của Shigella, NGOẠI TRỪ:
A. Không sinh nha bào
B. Trục khuẩn Gram (+)
C. Không có lông
D. Không vỏ
- Câu 181 :** Độc tố nào của vi khuẩn được giải phóng sau khi vi khuẩn chết
A. Nội độc tố
B. Ngoại độc tố
C. A và B đúng
D. A và B sai
- Câu 182 :** Bệnh phẩm thường dùng để chẩn đoán uốn ván là:
A. Đàm nhớt
B. Mảnh cắt lọc
C. Phân
D. Nước tiểu

- Câu 183 :** Ký sinh vật chỉ ký sinh trên một loại vật chủ được gọi là:
- A. Đa ký
 - B. Đơn thực
 - C. Đơn ký
 - D. Đa thực
- Câu 184 :** Vi sinh vật là những sinh vật:
- A. Đơn bào
 - B. Có cấu trúc tế bào hoàn chỉnh
 - C. Luôn gây hại cho vật chủ
 - D. Luôn sống ký sinh
- Câu 185 :** HIV có đặc điểm:
- A. Vỏ có cấu tạo màng glycoprotein
 - B. Dễ bất hoạt với nhiệt độ thấp
 - C. Nhân là AND
 - D. Di truyền ngược từ AND sang ARN
- Câu 186 :** Nội độc tố của trực khuẩn lỵ:
- A. Kháng nguyên H
 - B. Kháng nguyên K
 - C. Kháng nguyên O
 - D. Shigatoxin
- Câu 187 :** Xét nghiệm thường dùng để xác định giun móc:
- A. Tìm giun trưởng thành trong phân
 - B. Tìm trứng trong máu
 - C. Tìm giun trưởng thành trong ruột
 - D. Tìm trứng trong phân
- Câu 188 :** Ruồi (trong truyền bệnh amib) là vật truyền:
- A. Sinh học
 - B. Cơ học
 - C. A và B đúng
 - D. A và B sai
- Câu 189 :** Trực khuẩn uốn ván có tính chất nào sau đây:
- A. Tùy khí
 - B. Có khả năng sinh bào tử
 - C. Độc tố thường rất yếu
 - D. Hiếu khí tuyệt đối